

Dr. Nguyen Viet
Center for Southeast Asian Prehistory
96 ngo 203 Hoang Quoc Viet
Cau Giay, Hanoi
Vietnam
tel +84 4 7561641, +84 90 344 0102
email : drnguyenviet@yahoo.com

Received 4July2011

Thêm một trống đồng Đông Sơn có khắc minh văn cổ

Nguyễn Việt

Phát hiện bất ngờ chiếc trống đồng cổ có minh văn

Cách đây chừng 5,6 năm, một nông dân ở vùng chiêm trũng ngập nước thuộc huyện Phú Xuyên (Hà Tây cũ) bất ngờ phát hiện một chiếc trống đồng lớn còn gần như nguyên vẹn trong một hố đất đen đào sâu trong tầng đất đen sù vệt. Có lẽ chính nhờ tầng đất chua sù vệt yếm khí này mà chiếc trống đã được bảo tồn nguyên vẹn, gần như mới. Nhất là lớp vàng óng của thau đồng ẩn bên dưới màng patin mỏng được bảo vệ bởi một tầng nhựa cây mỏng che phủ khiến chủ nhân không thể tin vào mắt mình.

Chiếc trống được thông báo đến các thành viên trong Hội sưu tầm cổ vật Thăng Long (Hà Nội) và hiện nay nó là một trong số món đồ giá trị, mang lại niềm tự hào chính đáng cho anh em trong Hội.

Từ năm 2002, sau khi nghiên cứu dòng chữ Hán trên vành miệng chiếc thập đồng Đông Sơn có thể của Triệu Đà, tôi đặc biệt lưu tâm đến dấu tích minh văn chữ Hán sớm hay ký tự trên đồ đồng và đồ gốm cổ. Năm 2005, tôi được anh em trong Hội Cổ vật Thăng Long cho biết chính chiếc trống đồng cổ còn tươi màu vàng óng đó lại có một hàng chữ Hán rất khó đọc ở bên trong lòng vành chân đế. Chủ nhân cũng đã từng mời một số nhà Hán Nôm đến xem hộ, nhưng cho đến nay vẫn chưa thấy bất kỳ thông tin nào về những chữ cổ đó. Gần đây, tôi may mắn có dịp được chiêm ngưỡng và nghiên cứu chiếc trống này. Nhân đây, xin chân thành cảm ơn anh Hội, Ủy

viên Ban Chấp hành Hội Cổ vật Thăng Long (Hà Nội) đã giới thiệu, anh Trường, chủ nhân của chiếc trống đã cho phép và tạo điều kiện làm việc tốt nhất, cũng như anh em nhân viên của anh Trường, những người đã tận tình giúp đỡ tôi trong quá trình khảo sát và làm tư liệu chiếc trống minh văn này.

Chiếc trống đầu tiên có minh văn ở nước ta chính là chiếc trống đồng Đông Sơn do nhân dân khai quật được ở Gò Mả Tre, trong thành Cổ Loa, năm 1982. Hàng minh văn này đã được một số nhà khoa học nghiên cứu và công bố¹. Đây là chiếc trống đồng Đông Sơn thứ hai có minh văn đã được phát hiện và nghiên cứu ở nước ta. Ngoài ra, như đã từng được công bố, còn có một số thập đồng Đông Sơn và khá nhiều đồ đồng, đồ gốm Giao Chỉ thuộc truyền thống Đông Sơn dưới thời thuộc bắc cũng có khắc minh văn chữ Hán.

Bài viết này tập trung giới thiệu minh văn trên chiếc trống đồng quý giá nói trên.

Vài dòng giới thiệu về chiếc trống mang tên “Phú”

Trước hết, để tiện trình bày, trong bài này tôi gọi chiếc trống sẽ được mô tả là trống “Phú”. Bởi trên dòng minh văn trên trống, chính chủ nhân xưa cũng đã cho khắc một câu :”*Danh viết Phú*” nghĩa là : trống có tên là “Phú” (tức chỉ sự giàu sang, phú quý).

Trống “Phú” thuộc loại trống cỡ lớn, có đường kính miệng 65cm, phần tang rộng nhất tới 71cm. Chiều cao toàn thân trống là 43cm, thuộc loại trống lùn mang đậm phong cách miền núi (Tây Âu).

¹ Nguyễn Duy Hinh, 1995. Dòng chữ Hán khắc trong lòng trống Cổ Loa, trong *Những phát hiện mới Khảo cổ học 1995*. NXB KHXH, Hà Nội, tr. 157-158.

Trịnh Sinh, 2006, Thử giải mã minh văn trên trống Cổ Loa (Hà Nội), trong *Khảo cổ học*, số 2-2006.

Nguyễn Việt, 2007, Minh văn chữ Hán trên đồ đồng Đông Sơn, trong *Khảo cổ học*, số 5-2007.



Thân trống và một phần mặt trống

Ở giữa mặt trống là hình mặt trời có 12 tia cánh rộng. Ngoài các vành trang trí hình học có hai vành chính thể hiện một vành gồm bốn con thần lằn (hay cá sấu) còn vành kia là hình tám con chim mỏ dài bay ngược chiều kim đồng hồ. Mặt trống không tràn gờ mà thu hẹp so với độ nở của tang mỗi bên 3cm.



Vành thần lằn (cá sấu) và vành chim mỏ dài trên mặt trống

Tang trống trang trí bằng chính gồm chiếc thuyền độc mộc đầu và đuôi thuyền cong vút. Bên trên có 6 người ngồi chèo thuyền giống nhau, một người ngồi phía sau cầm lái và một người ngồi chèo nhưng có một ngọn giáo cắm chúc mũi xuống ở hốc đầu thuyền phía trước. Tất cả đều nhìn theo hướng từ trái sang phải (ngược chiều kim đồng hồ). Không thấy bất kỳ con vật nào ở trên trời cũng như dưới nước.



Chi tiết thuyền trên tang trống

Phần thân thuyền được chia thành tám ô hình chữ nhật, trong mỗi ô có hai hình người hóa trang đội mũ lông chim, mang khó dãi, mắt quay nhìn theo hướng từ trái sang phải. Người đứng phía trước, tay cầm rìu (giáo), người đi sau cầm xên, cả hai nhún theo tư thế nhảy múa. Phía trên đầu là hình một con chim lạc bay.



Hình người hóa trang trên thân trống

Vành chân trống để trơn, thuộc loại thấp nhưng xòe rộng ngang bằng với chỗ phình nhất của tang trống (khoảng trên dưới 70cm). Chính ở phần xòe chân trống này, phía bên trong có dãy chữ Hán khắc rất sắc nét.

Dòng minh văn gồm 16 chữ Hán và những thông tin về

các đơn vị đo lường thời Đông Sơn

Các chữ Hán được khắc ở bên trong chân đế trống đồng thành một hàng ngang đọc chạy dọc từ trên xuống dưới, rất giống tình trạng của trống Cổ Loa cả về vị trí lẫn kiểu khắc. Hình ghép dưới đây là do tôi ghép lại từ những đoạn chụp liên hoàn dãy 16 chữ minh văn đó.

Nghiên cứu minh văn thời này tôi đã từng đề xuất tên gọi cách khắc minh văn không vuông vắn, thừa thiếu nét và nhiều lỗi chính tả này là kiểu “*minh văn Nam Việt*” để phân biệt với cách khắc minh văn chuyên nghiệp hơn ở Trung Nguyên. Tuy nhiên, trong trường hợp ở trống Phú, nhờ độ nguyên vẹn và sắc nét, dòng minh văn này khá dễ đọc, ngoại trừ hai chữ đầu tiên. Từ chữ thứ ba trở về sau có thể đọc như sau : “TRỌNG LỤC QUÂN, NGŨ CÂN, BÁT LẠNG, DANH VIẾT PHÚ, ĐỆ VỊ THẬP NHẤT”. **Tạm dịch** : “trống nặng sáu *quân*, năm *cân*, tám *lạng*, tên gọi là *Phú*, thứ bậc số mười một”.



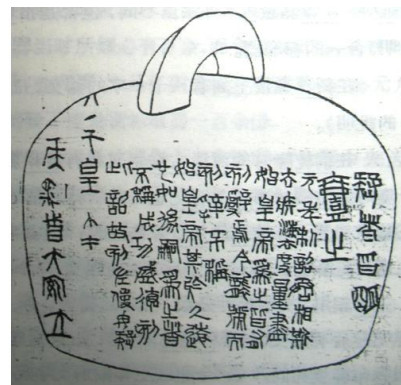
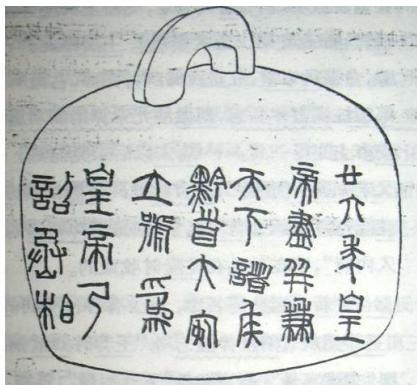
“*Quân*” là đơn vị đo lường cổ được dùng từ đời nhà Chu cho đến hết đời nhà Minh. Hai “*binh*” làm thành một *quân*. Một *binh* nặng 15 cân, như vậy một *quân* nặng 30 cân. Đời nhà Tần có đúc chuẩn những quả *quân* có quai để thống nhất đo lường toàn thiên hạ. Theo đó, mỗi *quân* nặng 7,75kg (một cân đời Tần – Hán là khoảng 258 gram)². Chiếc trống này có niên đại tương đương Tần – Hán, tức khoảng thế kỷ 3-2 trước Công nguyên, ngang với thời kỳ nhà nước Âu Lạc của An Dương Vương ở Việt Nam. Theo đó, đương thời, theo chuẩn đời Tần – Hán thì trống sẽ có trọng lượng **47,759kg**. Tuy nhiên, khi phân tích đơn vị đo lường ở Lĩnh Nam, Giao Chỉ, chúng tôi cũng như một số nhà nghiên cứu Trung Hoa nhận thấy đơn vị đo lường ở Lĩnh Nam và Giao Chỉ đời Tần – Hán có sự khác biệt so với vùng Trung

² Ngô Thừa Lạc, 1957, *Trung Quốc Độ -Lượng-Hoành sử*, Thương Vụ ấn thư quán, Thượng Hải, tr. 129-130.

Nguyên. Điều đó phản ánh tính chất cát cứ, bất phục của các thủ lĩnh Bách Việt phương nam đối với chủ trương thống nhất đo lường của triều đình Tần - Hán. Vì thế, để phân định giá trị các đơn vị đo lường người khắc minh văn thường thêm vào những chữ để quy ước đơn vị đó tính theo vùng nào.



Chữ “Quân” - đơn vị trọng lượng cổ, minh văn trên trống đồng “Phù”



Quả “quân” đời Tần (mặt trước và mặt sau). Theo Ngô Thừa Lạc, đã dẫn.

Thông thường đó là những chữ chỉ địa danh hoặc tước hiệu liên quan đến chủ nhân mang tính vùng gắn với đơn vị đo lường cụ thể của đồ vật có ghi minh văn. Đồ đồng Nam Việt thường ghi các vùng như “Phiên”, “Triết”, “Bồ”...Thạp đồng Triệu Đà ghi “Long Xoang”, tức Long Xuyên, nơi ông làm huyện lệnh. Trống Cổ Loa và một số đồ đồng khác cùng thời có ghi Tây

Vu (cách đọc chệch của Tây Âu), tên bộ tộc lớn thuộc khối Bách Việt và cũng là tên một bộ (huyện) thời Tây Hán.

Tên đơn vị hành chính thời Đông Sơn chủ yếu được phiên âm ghép bắt nguồn từ cách gọi bằng hệ thống ngôn ngữ bản địa. Vì thế, khi dùng các bộ thủ hay chữ Hán để ghi nhận chúng thường không nhất thiết gắn với nghĩa gốc của âm bản địa đó. Đôi khi âm đó không có trong chữ Hán. Vì thế đọc được các địa danh thời này bằng chữ Hán là khá phức tạp.

Hai chữ đầu tiên được khắc rất rõ nét.



Giả thiết phục dựng hai chữ Cửu Chân từ bản gốc minh văn

Chữ đầu gồm hai phần : phần bên trái hơi chệch xuống dưới gồm ba vạch ngang và một nét sổ thẳng như đầu, có thể gần với bộ “vương” hay chữ “chủ”. Phần bên phải hơi chệch lên trên trông giống với một nửa của bộ “vũ” (lông vũ), gồm bốn nét. Chúng tôi nhận thấy cách viết chữ “Cửu” (một bên bộ *vương* một bên bộ *cửu*) theo nghĩa *lưu cửu*, *cũ kỹ* hay tên một loại *đá ngọc*, khá gần với chữ này. Thực ra trong ký tự tiểu triện chữ Hán có một chữ ghi âm *cúi* 𠄎 được cho là tiền thân của chữ *Hợi* sau này. Kiểu ghi âm như vậy xét thấy khá giống phần bên phải hơi chệch lên trên của chữ đầu tiên trên trống “Phú” mà chúng ta đang bàn đến. Điều này càng củng cố thêm cách đọc là chữ đầu tiên này là “Cửu” có ít nhiều hợp lý.

Chữ thứ hai rất phức tạp, đếm được tới 18-19 nét. Nửa bên trái khá rõ là một chữ “nhật” có đường sổ bên phải kéo dài. Về mặt tự dạng có thể gần với chữ “ngõa”. Vì dự đoán tên địa danh thời Âu Lạc gắn với vùng chiêm trũng Mỹ Đức, Phú Xuyên (Hà Tây) nên tôi hướng về những địa danh như Chu Diên, Câu Lậu, Cửu Chân. Do đó tôi đã chọn chữ “Chân” có nghĩa

là sự phân định phải trái hay là tên của dòng họ Chân thời cổ. Chữ này nhờ có bộ "ngõa" ở bên phải, bên trái là bộ "tứ" (ở trên) + bộ "thổ" (ở dưới) phần nào cũng khá gần gũi với cách "vẽ" chữ của người xưa đối với chữ thứ hai.

Như vậy "Cửu Chân" còn mang nặng tính giả định, tuy có sự gần gũi và sự logic về tự dạng với tính vùng nơi khai quật được trống Phú. Nếu tạm chấp nhận giả thuyết nêu trên, toàn văn dòng chữ Hán 16 chữ khắc trong vành chân đế trống Phú có thể được đọc như sau :

"CỬU CHÂN, TRỌNG LỤC QUÂN, NGŨ CÂN, BÁT LƯỢNG, DANH VIẾT PHÚ, ĐỆ VỊ THẬP NHẤT"

玖甄,重六鈞,五斤,八兩,名曰富,第未十一

Tạm dịch : *Trống của bộ Cửu Chân (?), đứng hàng thứ 11 (đệ vị thập nhất), nặng 185 cân rưỡi, tên đặt là "Phú" (giàu có).*

Kết luận

- 1- Đây là chiếc trống Đông Sơn thứ tư có minh văn đã được nghiên cứu. Chiếc thứ nhất khai quật trong mộ Loubowan (Quý Huyện, Quảng Tây, Trung Quốc), chiếc thứ hai phát hiện ở Indonesia³. Chiếc thứ ba khai quật ở Gò Mả Tre (Cổ Loa, Hà Nội) và đây là chiếc trống thứ tư. Trừ chiếc trống ở Indonesia, minh văn được khắc trên khuôn đất trước khi rót đồng và vì vậy chữ in nổi ở trên rìa mặt trống. Ba chiếc còn lại chữ đều được khắc chìm trên phần chân trống sau khi đúc. Số thập đồng Đông Sơn có khắc minh văn theo cách tương tự cũng đã có ba chiếc được nghiên cứu và công bố⁴.
- 2- Không kể trống Indonesia thì nội dung minh văn khá thống nhất ở chỗ đều chỉ là ghi dấu về trọng lượng, dung lượng, tên gọi và thứ hạng của đồ vật. Kiểm tra đối chiếu với các đồ đồng có minh văn khác trong phạm vi nước Âu Lạc và Nam Việt có thể thấy mặc dù có sử dụng tên các đơn vị dung, lượng Trung Nguyên nhưng trong thực tế có nhiều trường hợp lại không thống nhất về độ lớn như đơn vị của Trung Nguyên. Điều này củng cố thêm tài liệu chứng tỏ tính độc lập và ý thức bài Hán cao của Âu Lạc và Nam Việt. Đơn vị trọng lượng Lĩnh

³ Kemper, 1988, *The Kettledrums of Southeast Asia*, MQRSEA 10, A.A.Balkema.

⁴ Nguyễn Việt, 2007, Minh văn chữ Hán trên đồ đồng Đông Sơn, trong *Khảo cổ học*, số 5-2007.

Nam quy ra “*cân*” giao động trong khoảng 250-260 gram trong dân gian và 260-270 gram ở quan xưởng. Cũng như vậy, dung lượng “*thăng*” giao động trong khoảng 190-210 cc (mililitre). Vùng Phiên Ngung có đơn vị dung lượng nhỏ nhất (khoảng 180 cc/thăng)⁵.

- 3- Trong số bốn trống có minh văn thì trống Kur ở Indonesia đúc nổi và chiếm vị trí ở phần liền với tượng cọc, thậm chí ở cả phần giữa các chân cọc. Đây là một điều rất khó hiểu, vì thông thường khi đúc trống, khuôn tượng cọc cũng như khuôn quai trống là những cụm khuôn đúc rời. Vì vậy phần hoa văn mà khuôn đúc rời này chiếm chỗ thường bị mất hoặc không còn nguyên vẹn. Ba chiếc còn lại đều khắc minh văn vào sau và đều ở vị trí bên trong vành chân đế trống. Chiếc trống trong mộ La Bạc Loan được cho là ở khoảng thế kỷ 2 trước Công nguyên. Chủ nhân có thể là một huyện quan của Nam Việt. Minh văn trên trống Cổ Loa cũng có thể xếp vào khoảng niên đại này. Theo tôi đây cũng là niên đại có thể dùng cho minh văn trên trống “Phú”.
- 4- Các đồ đồng quý phát hiện trong phạm vi quốc gia Âu Lạc và Giao Chỉ sau này thường thấy được đặt tên. Chiếc bình đồng kiểu Hán có chân đế trở lồi, quai dạng thạp Đông Sơn trưng bày tại Bảo tàng Lịch sử Việt Nam ký hiệu LSb17241 có dòng chữ khắc chìm ở viền quanh miệng, trong đó cũng có đoạn ghi rõ : “*danh viết Vạn Tuế*” – tên gọi là Vạn Tuế. Thạp BMM 2505-29 có 22 chữ minh văn có thể của Triệu Đà, cũng có ba chữ “*danh viết Quả*”. Chiếc trống “Phú” này cung cấp rõ ràng cho chúng ta thêm một trường hợp nữa : “*danh viết Phú*”.
- 5- Ngoài những chữ Hán đã trở nên thông dụng thì xuất hiện trong minh văn Âu Lạc, Nam Việt, Giao Chỉ những chữ hoàn toàn mới, ghi nhận quá trình tiếp tục nảy sinh văn tự chữ viết để ghi những âm địa danh, các hiện tượng địa lý, nhân văn riêng của vùng này. Chúng ta đã chứng kiến hiện tượng “Long Xoang” và ở trống Phú có thể sẽ là hiện tượng “Cửu Chân”. Nếu giả thuyết phục dựng của tôi là đúng thì Cửu Chân có thể bao gồm cả phần đất Trường Châu sau này, tức gồm phần nam lưu vực sông Đáy. Vùng đất này trong lịch sử đã từng thuộc Ái Châu và khi miền đất Thanh Hóa được hình thành cũng từng mang tên : Thanh Hoa ngoại trấn.

⁵ Quảng Tây Quý Huyện La Bạc Loan Hán Mộ, NXB Văn Văn Vật, Bắc Kinh, 1988.

6- Trong bài nghiên cứu về minh văn chữ Hán thời Đông Sơn đăng trên tạp chí *Khảo cổ học*, số 5-2007, tôi đã từng phân tích cách dùng chữ “wei” – với hai âm : “Mùi” (trong chuỗi can chi 12 con giáp) và “Vị” (trong *vị chí tam công* – chức đạt được cương vị tam công, những chức quan cao nhất trong triều đình). Chữ “wei” được dùng gắn với chữ “đệ”, vì thế “*đệ vị*” (đứng ở thứ vị ...) có nghĩa hơn là “*đệ mùi*” (là chiếc thứ ... của hạng Mùi). Vì vậy, tôi nghĩ rằng “đệ vị thập nhất” nên dịch là :”chiếc trống này đứng ở hàng thứ 11 trong tổng số tài sản” kê biên. Cách dùng chữ “Vị - Mùi” thay cho chữ “Vị” trong “vị trí” là một bằng chứng ghi âm “nôm” rất sớm và điển hình ở nước ta, tương tự cách người Nhật dùng chữ “thị” (thì, là, mà) thay cho chữ “thị” (dòng họ, thị tộc) trên minh văn gương đồng thời Kofun.

Như vậy, công thức “đệ vị...” trong đó sử dụng dùng chữ “Vị - Mùi” đã xuất hiện ổn định trên minh văn Âu Lạc, Giao Chỉ, ít ra là trong ba trường hợp đã được chúng tôi nghiên cứu : thạp Đông Sơn BMM-2505-29 ở Geneva, trống “Phú” và bình đồng LSb17241 của Bảo tàng Lịch sử Việt Nam.

Hà Nội, 16-6-2011